

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2018

"V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V,
TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mẫn**.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Hảo**.

Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà **Trần Thị Mỹ Hạnh** – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về **“tranh chấp hôn nhân gia đình”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** anh **Trương Văn Th** - sinh năm: 1981; (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú C, xã Hiếu Th1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** chị **Đoàn Thị Thanh L** - sinh năm: 1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú C, xã Hiếu Th1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã Hiếu Nh, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của chị Đoàn Thị Thanh L là: ông **Đoàn Văn T** – sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Hiếu Nh, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trương Văn Th trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa anh Th và chị Đoàn Thị Thanh L hình thành trên cơ sở mai mối, có sự tự nguyện của anh chị và được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Th1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18/6/2017. Sau ngày cưới vợ chồng anh chị sống bên gia đình cha mẹ ruột của anh Th tại ấp Phú C, xã Hiếu Th1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng anh sống hòa thuận hạnh

phúc đến năm 2008, khi chị L mang thai thì chị L phát sinh căn bệnh trầm cảm, gia đình có đưa chị L đi khám chữa bệnh nhưng bệnh của chị vẫn không giảm. Sau khi sinh con xong bệnh của chị L ngày càng nặng hơn nên chị L về sống với cha mẹ ruột tại ấp A, xã Hiếu Nh. Anh Th và chị L không còn quan hệ vợ chồng từ năm 2008 cho đến nay. Ngày 26/3/2018 Tòa án nhân dân huyện V xem xét và tuyên bố chị Đoàn Thị Thanh L là người bị mất năng lực hành vi dân sự. Nay anh Th nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được nên anh Th yêu cầu được ly hôn với chị Đoàn Thị Thanh L. Sau khi ly hôn anh Th đồng ý cấp dưỡng cho chị L mỗi tháng 500.000 đồng để chị L uống thuốc điều trị bệnh.

- Về con chung: vợ chồng có 01 người con chung tên: Trương Quốc K, sinh ngày 18/11/2008, hiện đang sống với anh Th. Sau khi ly hôn anh Th yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trương Quốc K, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Đoàn Thị Thanh L là người mất năng lực hành vi dân sự, chị L vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gửi đến cho Tòa.*

** Tại bản khai ý kiến ngày 24/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Đoàn Văn T là người đại diện hợp pháp của chị Đoàn Thị Thanh L trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị L và anh Th hình thành trên cơ sở mai mối, có sự tự nguyện của anh Th và chị L, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Th1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18/6/2017. Sau ngày cưới anh Th và chị L sống bên gia đình anh Th tại ấp Phú C, xã Hiếu Th1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. đến năm 2008, khi chị L mang thai thì chị L phát sinh căn bệnh trầm cảm. Sau khi sinh con xong bệnh của chị L ngày càng nặng hơn nên chị L về sống với cha mẹ ruột tại ấp A, xã Hiếu Nh. Anh Th và chị L không còn sống chung từ năm 2008 cho đến nay. Ngày 26/3/2018 Tòa án nhân dân huyện V tuyên bố chị Đoàn Thị Thanh L là người bị mất năng lực hành vi dân sự. Nay anh Th yêu cầu ly hôn với chị L thì ông T là cha ruột của L và là người giám hộ, người đại diện hợp pháp của chị L, ông T đồng ý cho chị L ly hôn với anh Trương Văn Th, ông T yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho chị L mỗi tháng 500.000 đồng vì chị L hiện nay cần được chăm sóc và uống thuốc điều trị bệnh. Nay ông T đã lớn tuổi nên không biết có thể chăm lo cho chị L đến khi nào. Ông T yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho chị L suốt đời, sau này khi cháu Trương Quốc K trưởng thành, cháu K có lo được cho mẹ thì lo.

- Về con chung: anh Th và chị L có 01 người con chung tên: Trương Quốc K, sinh ngày 18/11/2008, hiện đang sống với anh Th. Sau khi ly hôn ông T đồng ý giao cháu Trương Quốc K cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

- Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 115, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Văn Th. Anh Trương Văn Th được ly hôn với chị Đoàn Thị Thanh L. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Th đồng ý cấp dưỡng cho chị L mỗi tháng số tiền 500.000 đồng.

- Về con chung: Giao cháu Trương Quốc K, sinh ngày 18/11/2008 cho anh Trương Văn Th nuôi dưỡng. Anh Th không yêu cầu chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: anh Th và người đại diện hợp pháp của chị L có ông Đoàn Văn T cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: anh Th và người đại diện hợp pháp của chị L có ông Đoàn Văn T cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Trương Văn Th phải nộp 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng về nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Đoàn Thị Thanh L có người đại diện hợp pháp là ông Đoàn Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến của mình khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn chị Đoàn Thị Thanh L là người mất năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 22 Bộ luật dân sự 2015, người đại diện hợp pháp của chị L có ông Đoàn Văn T. Tòa án xem xét và nhận thấy việc vắng mặt chị L không gây cản trở cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Hôn nhân giữa anh Th và chị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp hình thành trên cơ sở mai mối, có sự tự nguyện của anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Th1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo lời trình bày của anh Th thời đầu gian vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2008, khi chị L mang thai chị L phát sinh căn bệnh trầm cảm, gia đình hai bên đã đưa chị L đi khám chữa bệnh nhiều nơi nhưng bệnh của chị vẫn không giảm. Sau khi sinh con xong bệnh của chị L ngày càng nặng thêm

nên chị L về nhà cha mẹ ruột sống. Anh Th và chị L đã không còn quan hệ vợ chồng từ năm 2008 cho đến nay.

Theo lời trình bày của ông Đoàn Văn T thì chị L là người mất năng lực hành vi dân sự, bệnh của chị L đến nay cũng không có thuyên giảm, anh Th và chị L đã không còn quan hệ vợ chồng khoảng 10 năm nay nên việc anh Th yêu cầu ly hôn với chị L thì ông T cũng đồng ý. Ông T yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị L mỗi tháng 500.000 đồng.

Xét tình cảm anh Th dành cho chị L không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh Th yêu cầu ly hôn với chị L là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Th đồng ý cấp dưỡng cho chị L mỗi tháng 500.000 đồng.

Về con chung của vợ chồng: anh Th và người đại diện hợp pháp của chị L có ông T cùng trình bày: anh Th và chị L có một người con chung tên Trương Quốc K, sinh ngày 18/11/2008, hiện cháu K đang sống chung với anh Th. Sau khi ly hôn anh Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trương Quốc K. Ông T đồng ý giao cháu K cho anh Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận của anh Th và ông T là người đại diện hợp pháp của chị L phù hợp với nguyện vọng của cháu Trương Quốc K sau khi cha mẹ ly hôn cháu K muốn sống với cha và phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Th không yêu cầu phía phía chị L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng: anh Th và ông T là người đại diện hợp pháp của chị L thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: anh Th và ông T là người đại diện hợp pháp của chị L thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Trương Văn Th phải nộp 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị Đoàn Thị Thanh L có người đại diện hợp pháp là ông Đoàn Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định và có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 115, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014 (có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Văn Th.

- **Về mối quan hệ hôn nhân:** anh Trương Văn Th được ly hôn với chị Đoàn Thị Thanh L có người đại diện hợp pháp là ông Đoàn Văn T.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Văn Th tự nguyện cấp dưỡng cho chị Đoàn Thị Thanh L có người đại diện hợp pháp là ông Đoàn Văn T mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- **Về con chung:** anh Trương Văn Th và chị Đoàn Thị Thanh L có một người con chung tên Trương Quốc K, sinh ngày 18/11/2008. Giao cháu Trương Quốc K cho anh Trương Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị Đoàn Thị Thanh L có người đại diện hợp pháp là ông Đoàn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Trương Quốc K.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung:** anh Trương Văn Th và ông Đoàn Văn T là người đại diện hợp pháp của chị L cùng không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- **Về nợ chung phải thu, phải trả:** anh Trương Văn Th và ông Đoàn Văn T là người đại diện hợp pháp của chị L cùng không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trương Văn Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008822, ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Anh Trương Văn Th phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Đoàn Thị Thanh L có người đại diện hợp pháp là ông Đoàn Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét phúc thẩm lại./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *UBND xã Hiếu Th1;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Kim Mẫn